

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 4579/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt phương án đấu giá QSD đất các lô đất ở tại xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 4956/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của UBND huyện Bố Trạch về việc đấu giá QSD đất các lô đất ở tại Dự án tạo quỹ đất ở khu vực Bến Cát, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá QSD đất ở tại Dự án tạo quỹ đất ở khu vực Bến Cát, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch.

I. Người có tài sản đấu giá:

1. Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND huyện Bố Trạch.
2. Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc đấu giá QSD đất: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch.
- Địa chỉ: Số 51 Đường Hùng Vương, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất ở đối với 16 thửa đất tại xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch. Diện tích từ 160,1m²/thửa đến 208,5m²/thửa; Giá khởi điểm từ 640.000.000 đồng/thửa đến 900.000.000 đồng/thửa. Tổng giá khởi điểm 16 thửa đất là 13.718.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài (có thông tin các thửa đất kèm theo).

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch quy định, cụ thể như sau:

1. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2.1 Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở đăng ký có địa chỉ cụ thể, rõ ràng.

2.2 Trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ đấu giá: máy vi tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy, loa phát thanh mini, thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật cho việc đấu giá.

(Cung cấp hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng minh các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá)

2.3 Có trang thông tin điện tử đang hoạt động.

3. Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả

3.1 Phương án đáp ứng đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan và hiệu quả (thuyết minh đầy đủ, rõ ràng trình tự thực hiện và đề xuất các công việc do đơn vị thực hiện).

3.2 Phương án đề xuất được các giải pháp để giải quyết các vấn đề khác phát sinh khi tổ chức cuộc đấu giá.

3.3 Phương án đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng dìm giá.

3.4 Phương án xây dựng thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh cho cuộc đấu giá.

3.5 Phương án xác định phương thức thu, nộp và trả tiền đặt trước, tiền lãi phát sinh từ tiền đặt trước.

3.6 Phương án đấu giá đề xuất thêm các hình thức, địa điểm thông báo, niêm yết khác ngoài hình thức, địa điểm theo quy định của pháp luật hoặc cách thức khác tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.

4. Năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

4.1 Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất.

(Kèm theo bản sao chứng thực giấy đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc quyết định thành lập để chứng minh)

4.2 Số lượng đấu giá viên: có tối thiểu 02 đấu giá viên trở lên, các đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

(Kèm theo bản sao chứng thực thẻ đấu giá viên, chứng chỉ hành nghề đấu giá, hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đấu giá viên)

4.3 Có tối thiểu 05 hợp đồng đấu giá Quyền sử dụng đất với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/7/2020 đến nay (tính theo ngày ký hợp đồng). Trong đó đảm bảo các yêu cầu sau:

- 01 hợp đồng phải có tổng giá khởi điểm của các thửa đất từ 10 tỷ đồng/hợp đồng trở lên.

- Tỷ lệ đấu giá thành công của các thửa đất trong mỗi hợp đồng đạt từ 70% trở lên, tỷ lệ chênh lệch giá khởi điểm so với giá trúng đấu giá từ 50% trở lên.

(Kèm theo bản sao chứng thực Hợp đồng đấu giá và Báo cáo kết quả đấu giá tài sản sau phiên đấu giá để chứng minh)

5. Đề xuất thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

6. Đơn vị đăng ký phải cam kết bảo mật thông tin về cuộc đấu giá và thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định về đấu giá tài sản.

IV. Thành phần hồ sơ tham gia

- Đơn, văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm phương án đấu giá (bản chính).

- Tổ chức đấu giá tài sản tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, giấy tờ cung cấp.

V. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký:

- Thời gian: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 12/11/2020 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch; Địa chỉ: Số 51 đường Hùng Vương, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại liên hệ: 02323 611 868

- Hình thức nộp hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện)

+ Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị cử đến và phải còn hiệu lực.

+ Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- UBND huyện; (b/c)
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về ĐGTS;
- Trang thông tin điện tử huyện Bố Trạch;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Công Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số

/TB-DAXD ngày

của BQL Dự án ĐTXD&PTQĐ)

TT	Khu vực	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Giá khởi điểm (đồng)	Ghi chú
1	Bến Cát	110	15	160,1	ONT	640.000.000	
2	"	111	15	208,5	ONT	834.000.000	
3	"	112	15	191,0	ONT	860.000.000	
4	"	113	15	190,9	ONT	859.000.000	
5	"	114	15	190,8	ONT	859.000.000	
6	"	115	15	190,7	ONT	858.000.000	
7	"	116	15	190,4	ONT	857.000.000	
8	"	117	15	190,2	ONT	856.000.000	
9	"	118	15	189,9	ONT	855.000.000	
10	"	119	15	189,6	ONT	853.000.000	
11	"	120	15	197,1	ONT	887.000.000	
12	"	121	15	200,0	ONT	900.000.000	
13	"	122	15	200,0	ONT	900.000.000	
14	"	123	15	200,0	ONT	900.000.000	
15	"	124	15	200,0	ONT	900.000.000	
16	"	125	15	200,0	ONT	900.000.000	
Tổng cộng (16 lô)				3.089,2		13.718.000.000	